

CHÍNH PHỦ

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

**DƯ THẢO**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết khoản 2 Điều 47; điểm đ khoản 2 Điều 66a; Điều 79; Điều 86; khoản 1 Điều 85; khoản 3 Điều 102 Luật Giáo dục.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với:

1. Nhà trẻ, nhóm trẻ độc lập; trường mẫu giáo, lớp mẫu giáo độc lập; trường mầm non, lớp mầm non độc lập (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục mầm non).

2. Trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục phổ thông).

3. Trường trung học nghề, trường trung cấp, trường cao đẳng (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục nghề nghiệp).

4. Đại học, trường đại học, học viện (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục đại học).

5. Trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học, trường chuyên, trường năng khiếu (sau đây gọi chung là trường chuyên biệt).

6. Trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp.

7. Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

## **Chương II**

### **PHONG TẶNG DANH HIỆU TIẾN SĨ DANH DỰ, GIÁO SƯ DANH DỰ**

#### **Điều 3. Phong tặng danh hiệu Tiến sĩ danh dự**

1. Đối tượng được phong tặng:

- a) Nhà giáo, nhà khoa học;
- b) Nhà hoạt động chính trị, xã hội.

2. Điều kiện được phong tặng:

a) Là người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc người nước ngoài có nhiều thành tích đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và khoa học của Việt Nam, được một cơ sở giáo dục đại học đào tạo trình độ tiến sĩ của Việt Nam đồng ý phong tặng đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Là người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc người nước ngoài có nhiều thành tích đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và khoa học của Việt Nam, có uy tín quốc tế, có nhiều thành tích, công lao đóng góp cho tình hữu nghị, cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và được một cơ sở giáo dục đại học đào tạo trình độ tiến sĩ của Việt Nam đồng ý phong tặng đối với đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Quy trình phong tặng:

a) Cơ sở giáo dục đại học tổ chức họp hội đồng khoa học và đào tạo để xem xét việc phong tặng bảo đảm đúng đối tượng, điều kiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Căn cứ quyết nghị của hội đồng khoa học và đào tạo, giám đốc, hiệu trưởng, cơ sở giáo dục đại học ra quyết định phong tặng và tổ chức lễ trao tặng danh hiệu;

c) Trong trường hợp cần thiết, giám đốc, hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học có văn bản đề nghị Bộ Ngoại giao, Bộ Công an hoặc Cơ quan đại diện của nước có người được đề nghị phong tặng có ý kiến việc không vi phạm pháp luật của Việt Nam, pháp luật của nước sở tại và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

4. Cơ sở giáo dục đại học đào tạo trình độ tiến sĩ thiết kế, in phôi, cấp phát và quản lý bằng Tiến sĩ danh dự. Bằng Tiến sĩ danh dự phải ghi rõ danh hiệu “Tiến sĩ danh dự”, không ghi “học vị Tiến sĩ” và không ghi ngành đào tạo; công khai thông tin của người được phong tặng trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học và gửi quyết định phong tặng về Bộ Giáo dục và Đào tạo sau mỗi lần phong tặng.

#### **Điều 4. Phong tặng danh hiệu Giáo sư danh dự**

1. Đối tượng được phong tặng:

- a) Nhà giáo, nhà khoa học;
- b) Nhà hoạt động chính trị, xã hội.

2. Điều kiện được phong tặng:

- a) Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định này;
- b) Có bằng tiến sĩ.

3. Quy trình phong tặng thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

4. Quyết định phong tặng danh hiệu Giáo sư danh dự phải ghi rõ danh hiệu “Giáo sư danh dự”. Cơ sở giáo dục đại học công khai thông tin của người được phong tặng trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học và gửi quyết định phong tặng về Bộ Giáo dục và Đào tạo sau mỗi lần phong tặng.

### **Chương III**

#### **CHUYỂN ĐỔI NHÀ TRẺ, TRƯỜNG MẪU GIÁO, TRƯỜNG MẦM NON, CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TƯ THỰC SANG NHÀ TRẺ, TRƯỜNG MẪU GIÁO, TRƯỜNG MẦM NON, CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TƯ THỰC HOẠT ĐỘNG KHÔNG VÌ LỢI NHUẬN**

**Điều 5. Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận**

1. Hồ sơ chuyển đổi bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị chuyển đổi sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (Mẫu số 01 Phụ lục kèm theo Nghị định này);

b) Văn bản cam kết của các nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực chuyển sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận, bảo đảm

thực hiện hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức; phần lợi nhuận tích lũy hằng năm thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia để tiếp tục đầu tư phát triển nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục;

c) Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động; dự thảo quy chế tài chính nội bộ của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận;

d) Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu báo cáo kết quả kiểm toán; thỏa thuận giải quyết phần vốn góp cho nhà đầu tư không đồng ý chuyển đổi sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (nếu có); các giấy tờ, tài liệu về đất đai, tài sản, tài chính, tổ chức và nhân sự của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục chuyển đổi sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền khai thác được các thông tin trên từ Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc từ cơ quan nhà nước thì người học hoặc gia đình người học không cần phải cung cấp các văn bản trên và chỉ cần cung cấp thông tin để có cơ sở đối chiếu, khai thác dữ liệu;

đ) Báo cáo đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý (Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Nghị định này);

## 2. Quy trình xử lý hồ sơ chuyển đổi như sau:

a) Đối với nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài đề nghị thành lập gửi 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã; đối với nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị thành lập gửi 01 bộ hồ sơ đến Sở Giáo dục và Đào tạo. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này và được gửi bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Trong thời hạn 13 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo theo thẩm quyền tổ chức lấy ý kiến các đơn vị có liên quan và thẩm định hồ sơ; theo thẩm quyền trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định chuyển đổi.

Quyết định chuyển đổi được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan ra quyết định chuyển đổi.

c) Trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc tính từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Giáo dục và Đào

tạo gửi văn bản thông báo cho nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục và nêu rõ lý do.

**Điều 6. Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận**

1. Hồ sơ chuyển đổi bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị chuyển đổi (Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này);

b) Văn bản cam kết của các nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với cơ sở giáo dục phổ thông tư thục chuyển sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận, bảo đảm thực hiện hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức; phần lợi nhuận tích lũy hằng năm thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia để tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở giáo dục phổ thông tư thục;

c) Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động; dự thảo quy chế tài chính nội bộ của cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận;

d) Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu báo cáo kết quả kiểm toán; thỏa thuận giải quyết phần vốn góp cho nhà đầu tư không đồng ý chuyển đổi sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (nếu có); các giấy tờ, tài liệu về đất đai, tài sản, tài chính, tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục phổ thông tư thục chuyển đổi sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền khai thác được các thông tin trên từ Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc từ cơ quan nhà nước thì người học hoặc gia đình người học không cần phải cung cấp các văn bản trên và chỉ cần cung cấp thông tin để có cơ sở đối chiếu, khai thác dữ liệu;

đ) Báo cáo đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này);

2. Quy trình xử lý hồ sơ chuyển đổi như sau:

a) Đối với trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động gửi 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã; đối với trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động và cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động gửi 01 bộ hồ sơ đến Sở Giáo dục và Đào tạo; đối với cơ sở giáo dục phổ thông tư

thực do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị gửi 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này và được gửi bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Trong thời hạn 13 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền tổ chức lấy ý kiến các đơn vị có liên quan và thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền quyết định chuyển đổi.

Quyết định chuyển đổi được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan ra quyết định chuyển đổi.

c) Trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc tính từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản thông báo cho cơ sở giáo dục phổ thông thực và nêu rõ lý do.

## **Chương IV**

### **BỒ NHIỆM CÁN BỘ QUẢN LÝ CƠ SỞ GIÁO DỤC**

#### **Điều 7. Thủ tục, quy trình bổ nhiệm cán bộ quản lý cơ sở giáo dục công lập**

1. Thủ tục, quy trình bổ nhiệm cán bộ quản lý cơ sở giáo dục công lập thực hiện theo quy định của Đảng, quy định bổ nhiệm viên chức quản lý của pháp luật về viên chức và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Căn cứ quy trình, thủ tục bổ nhiệm cán bộ quản lý cơ sở giáo dục công lập theo quy định tại khoản 1 Điều này người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tổng hợp, hướng dẫn cụ thể việc bổ nhiệm cán bộ quản lý cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Căn cứ quy trình, thủ tục bổ nhiệm cán bộ quản lý cơ sở giáo dục công lập theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, hướng dẫn cụ thể việc bổ nhiệm cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, chuyên biệt, giáo dục thường xuyên, trung học nghề trên địa bàn tỉnh và các cơ sở giáo dục khác thuộc thẩm quyền quản lý.

4. Thủ tục, quy trình bổ nhiệm giám đốc, phó giám đốc đại học quốc gia, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học công lập thực hiện theo quy định của Nghị định quy định chi tiết Luật Giáo dục đại học.

#### **Điều 8. Thủ tục, quy trình bổ nhiệm cán bộ quản lý cơ sở giáo dục ngoài công lập**

1. Thủ tục, quy trình bổ nhiệm cán bộ quản lý cơ sở giáo dục dân lập, tư thực

a) Thủ tục, quy trình bổ nhiệm cán bộ quản lý cơ sở giáo dục dân lập, tư thực được quy định cụ thể trong quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục, phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan;

b) Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý cơ sở giáo dục dân lập, tư thực phải bảo đảm đáp ứng khung năng lực của vị trí việc làm đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, và quy định của pháp luật có liên quan và quy định của Hội đồng trường;

c) Thủ tục, quy trình bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc của cơ sở giáo dục dân lập, tư thực do Hội đồng trường trực tiếp chỉ đạo, tổ chức thực hiện theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số. Quyết nghị của Hội đồng trường về nhân sự hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc của cơ sở giáo dục dân lập, tư thực có giá trị khi có trên 50% tổng số thành viên của Hội đồng trường đồng ý. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng trường.

2. Thủ tục, quy trình bổ nhiệm cán bộ quản lý cơ sở giáo dục thành lập theo Hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam với chính phủ nước ngoài hoặc theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên.

3. Thủ tục, quy trình bổ nhiệm giám đốc, phó giám đốc, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập thực hiện theo quy định của Nghị định quy định chi tiết Luật Giáo dục đại học.

## **Chương V**

### **HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP; HỌC BỔNG CHÍNH SÁCH; MIỄN, GIẢM GIÁ VÉ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG CHO HỌC SINH, SINH VIÊN VÀ VIỆC THÔNG BÁO CHUYÊN NHƯỢNG VỐN ĐỐI VỚI TRƯỜNG TƯ THỰC**

#### **Điều 9. Học bổng khuyến khích học tập**

1. Đối tượng xét, cấp học bổng khuyến khích học tập:

a) Học sinh trường chuyên, học sinh khối trung học phổ thông chuyên trong cơ sở giáo dục đại học có kết quả rèn luyện và kết quả học tập đạt mức cao nhất (mức Tốt) trong kỳ xét, cấp học bổng có điểm trung bình môn chuyên của học kỳ xét cấp từ 8,5 trở lên hoặc đạt một trong các giải từ khuyến khích trở lên trong kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia, khu vực hoặc quốc tế của năm đó

b) Học sinh các trường năng khiếu có kết quả rèn luyện đạt từ mức Khá trở lên, kết quả học tập từ mức Đạt trở lên và đạt huy chương trong cuộc thi cấp quốc gia, khu vực hoặc quốc tế của năm học đó;

c) Học sinh, sinh viên đang học trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có kết quả học tập, rèn luyện từ loại khá trở lên, không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong kỳ xét cấp học bổng.

2. Mức học bổng đối với đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này:

a) Đối với trường chuyên, trường năng khiếu: Mức học bổng cấp cho một học sinh một do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định;

b) Đối với khối trung học phổ thông chuyên trong cơ sở giáo dục đại học: Mức học bổng cấp cho một học sinh do hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học quy định nhưng không thấp hơn mức trần học phí hiện hành mà học sinh đó phải đóng tại trường;

c) Đối với những trường không thu học phí: Mức học bổng tối thiểu bằng ba lần mức trần học phí của trường trung học phổ thông tại địa phương.

3. Mức học bổng đối với đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này:

a) Học bổng loại khá: Mức học bổng bằng hoặc cao hơn mức trần học phí hiện hành của ngành, chuyên ngành, nghề mà học sinh, sinh viên đó phải đóng tại trường do hiệu trưởng hoặc giám đốc quy định (sau đây gọi chung là hiệu trưởng) đối với học sinh, sinh viên có điểm trung bình chung học tập và điểm rèn luyện đều đạt loại khá trở lên. Đối với các trường tư thục mức học bổng tối thiểu do hiệu trưởng quy định.

Đối với những ngành nghề đào tạo không thu học phí thì áp dụng theo đơn giá được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cho nhóm ngành đào tạo của trường;

b) Học bổng loại giỏi: Mức học bổng cao hơn loại khá do hiệu trưởng quy định đối với học sinh, sinh viên có điểm trung bình chung học tập đạt loại giỏi trở lên và điểm rèn luyện đạt loại tốt trở lên;

c) Học bổng loại xuất sắc: Mức học bổng cao hơn loại giỏi do hiệu trưởng quy định đối với học sinh, sinh viên có điểm trung bình chung học tập và điểm rèn luyện đều đạt loại xuất sắc;

d) Điểm trung bình chung học tập và điểm rèn luyện quy định tại điểm a, b và c khoản này được xác định theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; trong đó điểm trung bình chung học tập để xét học bổng theo quy định tại Nghị định này được tính từ điểm thi, kiểm tra hết môn học lần thứ nhất.

4. Nguồn học bổng:

a) Đối với trường chuyên, trường năng khiếu: Học bổng khuyến khích học tập được bố trí trong dự toán chi ngân sách địa phương để cấp cho tối thiểu 30% số học sinh chuyên của trường. Đối với khối trung học phổ thông chuyên trong cơ sở giáo dục đại học, học bổng khuyến khích học tập được bố trí từ nguồn thu hợp pháp của cơ sở giáo dục đại học và từ nguồn thu hợp pháp của trường trung học phổ thông chuyên;

b) Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học: Học bổng khuyến khích học tập được bố trí tối thiểu bằng 8% tổng thu học phí chính quy đối với trường công lập và tối thiểu 2% nguồn thu học phí đối với trường tư thục.

5. Trình tự xét, cấp học bổng đối với đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này:

a) Đối với trường chuyên và trường năng khiếu: Hiệu trưởng xác định số suất học bổng cho từng lớp học và căn cứ vào học bổng của năm đề cấp cho học sinh theo thứ tự ưu tiên từ giải quốc tế, khu vực quốc tế, quốc gia đến điểm môn chuyên (đối với các trường chuyên) hoặc kết quả học tập (đối với các trường năng khiếu);

b) Đối với khối trung học phổ thông chuyên trong cơ sở giáo dục đại học: Hiệu trưởng xác định số suất học bổng và mức học bổng cho từng khối, lớp học căn cứ vào học bổng của năm để xét, cấp cho học sinh theo thứ tự ưu tiên từ giải quốc tế, khu vực quốc tế, quốc gia đến điểm môn chuyên;

c) Học bổng được cấp theo từng học kỳ và cấp 09 tháng trong năm học.

Ngoài học bổng khuyến khích học tập theo quy định tại Nghị định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể có các chế độ, chính sách khác đối với học sinh trường chuyên, trường năng khiếu thuộc địa phương hoặc do địa phương quản lý.

6. Trình tự xét, cấp học bổng đối với đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này:

a) Hiệu trưởng căn cứ vào nguồn học bổng khuyến khích học tập xác định số lượng suất học bổng cho từng khóa học, ngành học. Trong trường hợp số lượng học sinh, sinh viên thuộc diện được xét, cấp học bổng nhiều hơn số suất học bổng thì việc xét, cấp học bổng do hiệu trưởng quyết định;

b) Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả học tập và rèn luyện của học sinh, sinh viên thực hiện xét, cấp học bổng theo thứ tự từ loại xuất sắc trở xuống đến hết số suất học bổng đã được xác định;

c) Học bổng được cấp theo từng học kỳ với tổng thời gian cấp tối đa 10 tháng trong một năm học. Đối với người học đào tạo theo phương thức tích lũy mô

đun hoặc tín chỉ, việc xét, cấp học bổng căn cứ vào số lượng mô đun hoặc tín chỉ tích lũy trong năm học; khối lượng mô đun hoặc tín chỉ tương đương với một học kỳ do cơ sở giáo dục quy định phù hợp với khối lượng học tập tiêu chuẩn của chương trình đào tạo và được công khai trong quy chế học bổng của cơ sở giáo dục.

Học sinh, sinh viên thuộc diện hưởng học bổng chính sách, trợ cấp xã hội, chính sách ưu đãi thì vẫn được xét, cấp học bổng khuyến khích học tập theo quy định tại Nghị định này.

## **Điều 10. Học bổng chính sách**

### **1. Đối tượng và mức hưởng:**

a) Sinh viên học theo chế độ cử tuyển, học sinh các trường dự bị đại học, trường phổ thông dân tộc nội trú; học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp dành cho thương binh, người khuyết tật được hưởng Mức học bổng bằng 80% mức lương cơ sở/tháng;

b) Học viên là thương binh thuộc hộ nghèo học trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp dành cho thương binh, người khuyết tật: Mức học bổng bằng 100% mức lương cơ sở/tháng.

### **2. Nguyên tắc hưởng:**

a) Học bổng chính sách chỉ được hưởng một lần trong cả quá trình học. Học bổng chính sách được cấp hai lần trong năm học, mỗi lần cấp 06 tháng, lần thứ nhất cấp vào tháng 10, lần thứ hai cấp vào tháng 3. Trường hợp học sinh, sinh viên, học viên (sau đây gọi chung là người học) chưa nhận được học bổng chính sách theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong kỳ cấp học bổng tiếp theo.

b) Trường hợp người học thuộc đối tượng được hưởng nhiều chính sách cùng lúc thì chỉ được hưởng một chính sách cao nhất hoặc học đồng thời nhiều ngành, nhiều cơ sở giáo dục thì chỉ được hưởng chính sách ở một ngành tại một cơ sở giáo dục;

c) Người học là đối tượng được hưởng học bổng chính sách theo quy định tại Điều này nhưng thuộc đối tượng được hưởng chính sách trợ cấp ưu đãi, trợ cấp xã hội, học bổng khuyến khích học tập thì vẫn được hưởng các chính sách này theo quy định;

d) Học sinh, sinh viên, học viên bị kỷ luật buộc thôi học hoặc bị đình chỉ học tập thì không được hưởng các chính sách quy định tại Điều này kể từ thời điểm quyết định kỷ luật có hiệu lực hoặc trong thời gian bị đình chỉ;

đ) Học bổng chính sách được cấp đủ 12 tháng/năm, số năm học được hưởng chính sách không được vượt quá số năm hoặc số học kỳ tối đa để hoàn

thành chương trình đào tạo tương ứng với các ngành học theo quy định. Riêng đối với năm học cuối được hưởng theo số tháng thực học.

Đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường dự bị đại học nếu bị lưu ban thì năm học lưu ban đầu tiên vẫn được hưởng học bổng chính sách theo quy định.

e) Học bổng chính sách được cấp đối với các chương trình đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ theo thời gian đào tạo quy đổi nhưng không vượt quá thời gian đào tạo của ngành, nghề và trình độ đào tạo tương đương đối với chương trình đào tạo theo niên chế, được tính bằng công thức dưới đây:

$$\frac{\text{Học bổng chính sách theo mô đun, tín chỉ trong khoảng thời gian xác định để tính học bổng chính sách}}{\text{Tổng số học bổng chính sách của chương trình đào tạo theo niên chế}} \times \text{Số mô đun, tín chỉ học trong khoảng thời gian xác định để tính học bổng chính sách} = \text{Tổng số mô đun, tín chỉ}$$

Trong đó:

$$\frac{\text{Tổng số học bổng chính sách của chương trình đào tạo theo niên chế}}{\text{Mức học bổng chính sách 01 tháng của 01 học sinh, sinh viên của chương trình đào tạo theo niên chế}} \times \text{Số tháng học của cả khóa học của chương trình đào tạo theo niên chế}$$

g) Không áp dụng học bổng chính sách đối với người học học bằng đại học thứ hai, đào tạo theo địa chỉ, hình thức đào tạo từ xa, liên kết đào tạo và vừa làm vừa học.

### 3. Hồ sơ hưởng học bổng chính sách:

Đơn đề nghị có xác nhận của nhà trường nơi người học theo học (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) và Giấy chứng nhận hộ nghèo (nếu thuộc đối tượng hộ nghèo).

### 4. Trình tự xét, cấp học bổng:

#### a) Đối với sinh viên theo chế độ cử tuyển:

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhập học, sinh viên nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến theo quy định về Sở Giáo

dục và Đào tạo nơi thường trú. Mỗi sinh viên chỉ nộp một bộ hồ sơ đề nghị cấp học bổng trong cả thời gian học tại cơ sở giáo dục;

- Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, lập danh sách, dự toán nhu cầu kinh phí (Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) và thực hiện việc chi trả học bổng chính sách cho sinh viên theo quy định. Trường hợp hồ sơ không bảo đảm đúng quy định, Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm thông báo cho người học trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

- Sinh viên nhận học bổng chính sách trực tiếp tại Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc thông qua tài khoản ngân hàng của sinh viên theo định kỳ xét, cấp học bổng.

b) Đối với học sinh trường dự bị đại học, trường phổ thông dân tộc nội trú:

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhập học, học sinh nộp hồ sơ theo quy định cho nhà trường nơi học sinh đang theo học để xét, cấp học bổng chính sách. Mỗi học sinh chỉ nộp một bộ hồ sơ một lần để đề nghị cấp học bổng trong cả thời gian học tại cơ sở giáo dục;

- Cơ sở giáo dục tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, lập danh sách, dự toán nhu cầu kinh phí (Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) gửi về cơ quan quản lý trực tiếp. Trường hợp hồ sơ không bảo đảm đúng quy định, cơ sở giáo dục có trách nhiệm thông báo cho người học trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

- Học sinh nhận học bổng chính sách trực tiếp tại cơ sở giáo dục đang theo học theo định kỳ xét, cấp học bổng chính sách theo quy định.

c) Đối với học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp dành cho thương binh, người khuyết tật:

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhập học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thông báo cho học viên về chế độ học bổng chính sách, thời gian nộp hồ sơ và hướng dẫn học viên nộp hồ sơ theo quy định. Mỗi học viên chỉ phải nộp một bộ hồ sơ một lần để đề nghị cấp học bổng trong cả thời gian học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Đối với học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập: Hiệu trưởng cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tổ chức thẩm định hồ sơ, tổng hợp, lập danh sách và dự toán kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên (Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) trình cơ quan quản lý trực tiếp phê duyệt, tổng hợp gửi cơ quan tài chính trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp hồ sơ không bảo đảm đúng quy định, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập có trách nhiệm thông báo cho người học trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

- Đối với học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự thực: Học viên làm đơn đề nghị (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) gửi cơ sở giáo dục nghề nghiệp nơi theo học để xác nhận vào đơn trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn và hướng dẫn học viên gửi hồ sơ về Ủy ban nhân dân cấp xã nơi học viên có hộ khẩu thường trú. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định, phê duyệt danh sách đối tượng được hưởng chính sách và xây dựng dự toán kinh phí thực hiện gửi cơ quan tài chính có thẩm quyền, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho người học trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

Học viên nộp đủ hồ sơ theo quy định thì được chi trả học bổng chính sách tính từ ngày cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp xã nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền khai thác được các thông tin trên từ Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc từ cơ quan nhà nước thì người học hoặc gia đình người học không cần phải cung cấp các văn bản trên và chỉ cần cung cấp thông tin để có cơ sở đối chiếu, khai thác dữ liệu.

#### 5. Kinh phí thực hiện học bổng chính sách:

a) Kinh phí thực hiện học bổng chính sách được cân đối trong dự toán chi ngân sách nhà nước của lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp hằng năm theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước;

b) Ngân sách địa phương đảm bảo kinh phí thực hiện chế độ học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên theo chế độ cử tuyển; học viên là thương binh, người khuyết tật trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp dành cho thương binh, người khuyết tật thuộc địa phương quản lý và học sinh các trường dự bị đại học thuộc địa phương quản lý;

c) Ngân sách địa phương đảm bảo kinh phí thực hiện chế độ học bổng chính sách đối với học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú thuộc địa phương quản lý. Ngân sách trung ương hỗ trợ theo nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

d) Ngân sách trung ương đảm bảo kinh phí thực hiện chế độ học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên đang theo học tại các trường dự bị đại học, trường phổ thông dân tộc nội trú thuộc các bộ, ngành trung ương quản lý.

#### 6. Phương thức chi trả học bổng chính sách:

a) Đối với sinh viên theo chế độ cử tuyển: Căn cứ vào dự toán kinh phí sự nghiệp giáo dục đã được thông báo, Sở Giáo dục và Đào tạo theo thẩm quyền thực hiện việc quản lý kinh phí, tổ chức cấp học bổng chính sách đối với sinh viên thuộc diện được hưởng học bổng chính sách theo quy định.

Việc chi trả học bổng được thực hiện thông qua hình thức trả tiền trực tiếp hoặc chuyển khoản hoặc hình thức chuyển tiền hợp pháp khác (nếu có) cho người học.

b) Đối với học sinh trường dự bị đại học, trường phổ thông dân tộc nội trú: Căn cứ vào dự toán kinh phí sự nghiệp giáo dục đã được thông báo, các cơ sở giáo dục thực hiện việc quản lý kinh phí, tổ chức cấp học bổng đối với học sinh thuộc diện được hưởng học bổng chính sách theo quy định;

c) Đối với học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp dành cho thương binh, người khuyết tật:

- Đối với học viên sơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập: Cơ sở giáo dục nơi học viên đang theo học chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện chi trả học bổng chính sách trực tiếp bằng tiền mặt cho học viên;

- Đối với học viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi học viên thường trú chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện chi trả học bổng chính sách cho học viên theo một trong các phương thức: Cấp tiền mặt trực tiếp hoặc chuyển qua tài khoản hoặc các hình thức chuyển tiền hợp pháp khác (nếu có).

7. Sinh viên theo chế độ cử tuyển tự thôi học thì phải bồi hoàn toàn bộ số tiền học bổng đã nhận cho cơ quan cấp học bổng, trừ các trường hợp tự thôi học do bất khả kháng.

8. Quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí:

a) Việc lập dự toán, phân bổ kinh phí, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thực hiện và mục lục ngân sách nhà nước hiện hành;

b) Hằng năm, các bộ, ngành, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính kết quả thực hiện việc cấp kinh phí cho học sinh, sinh viên vào thời điểm kết thúc năm học.

### **Điều 11. Miễn, giảm giá vé dịch vụ công cộng cho học sinh, sinh viên**

1. Đối với dịch vụ công cộng về giao thông:

a) Học sinh, sinh viên được giảm giá vé các phương tiện giao thông như tàu hỏa, xe ô tô buýt; tàu điện, phà;

b) Đơn vị tham gia vận tải công cộng phát hành vé giảm giá cho học sinh, sinh viên khi học sinh, sinh viên xuất trình thẻ học sinh, sinh viên.

2. Đối với dịch vụ công cộng về giải trí, tham quan viện bảo tàng, di tích lịch sử, công trình văn hóa:

a) Học sinh, sinh viên được giảm giá vé dịch vụ khi trực tiếp sử dụng các dịch vụ gồm: Bảo tàng, di tích lịch sử, triển lãm;

b) Cơ sở văn hóa, giải trí phát hành vé giảm giá cho học sinh, sinh viên khi học sinh, sinh viên xuất trình thẻ học sinh, sinh viên.

3. Căn cứ điều kiện cụ thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức miễn, giảm giá vé dịch vụ công cộng cho học sinh, sinh viên thuộc thẩm quyền quản lý.

4. Học sinh, sinh viên là người khuyết tật được miễn, giảm giá vé dịch vụ công cộng về giao thông, giải trí, tham quan viện bảo tàng, di tích lịch sử, công trình văn hóa theo quy định tại Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ hướng dẫn Luật Người khuyết tật.

Học sinh, sinh viên là đối tượng chính sách xã hội được miễn, giảm giá vé tàu theo quy định tại Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt.

## **Điều 12. Việc thông báo chuyển nhượng vốn đối với đối với trường tư thục**

1. Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng vốn, trường tư thục công khai danh sách nhà đầu tư nhận chuyển nhượng vốn trên trang thông tin điện tử của nhà trường; đồng thời thông báo với Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục; trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở tư thục) hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông tư thục) hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục đại học tư thục) nơi trường đó đặt trụ sở chính về việc thay đổi nhà đầu tư của nhà trường.

2. Trong trường hợp chuyển nhượng vốn giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài, trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng vốn, cơ sở giáo dục phải thực hiện thủ tục đề nghị điều chỉnh, bổ sung quyết định cho phép hoạt động giáo dục theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

## **Chương VI**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 13. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.

3. Điều 6, Điều 12; khoản 4, 5, 6 Điều 35 của Nghị định số 142/2025/NĐ-CP 12/06/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Điều 6 của Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

4. Thay thế quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo như sau:

“Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định khung hoặc mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương”.

#### **Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục đại học tư thục đã hoàn thành việc thực hiện chuyển nhượng vốn trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục nơi trường đó đặt trụ sở chính về danh sách nhà đầu tư của nhà trường sau khi chuyển nhượng trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

2. Nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục đại học tư thục đã hoàn thành việc chuyển nhượng vốn giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non, trường phổ thông tư thục phải thực hiện thủ tục đề nghị điều chỉnh, bổ sung quyết định cho phép hoạt động giáo dục theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

#### **Điều 15. Trách nhiệm thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

***Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b)

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**THỦ TƯỚNG**

**PHỤ LỤC**

*(Kèm theo Nghị định số ..../...../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm .... của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Tờ trình đề nghị chuyển đổi
Mẫu số 02	Báo cáo đánh giá tác động việc chuyển đổi
Mẫu số 03	Đơn đề nghị cấp học bổng chính sách
Mẫu số 04	Dự toán kinh phí thực hiện học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên

....(1)....

....(2)....

-----

Số: ...../.....-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

....., ngày ... tháng ... năm .....

**TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị chuyển đổi....**

Kính gửi: .....(3).....

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ (1) và (2)**

.....

**II. SỰ CẦN THIẾT PHẢI CHUYỂN ĐỔI**

.....

**III. TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH HOẠT ĐỘNG KHÔNG VÌ LỢI NHUẬN**

.....

**IV. PHẦN VỐN GÓP, PHẦN TÀI SẢN THUỘC SỞ HỮU CHUNG HỢP NHẤT KHÔNG PHÂN CHIA (của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục – nếu có) .**

.....

(Kèm theo .....(4).....)

Đề nghị .....(3)..... xem xét, quyết định.

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

**Nơi nhận:**

- .....

- .....

(5)

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

(1) Tên cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục.

(2) Tên nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục đề nghị chuyển đổi.

(3) Người/cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyển đổi.

(4) Hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

(5) Quyền hạn, chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển đổi

....(1)....

....(2)....

-----

Số: ...../.....-.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

....., ngày ... tháng ... năm .....

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC CHUYỂN ĐỔI...**

Kính gửi: .....(3).....

**I. TÌNH HÌNH THỰC TIỄN TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC**

- 1. Về nhân sự
- 2. Về Tài chính, tài sản
- 3. Về hoạt động của nhà trường

...

**II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG SAU KHI CHUYỂN ĐỔI...**

- 1. Về nhân sự
- 2. Về Tài chính, tài sản
- 3. Về hoạt động của nhà trường

...

**III. ĐỀ XUẤT, PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ**

.....

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

**Nơi nhận:**

- .....
- .....

(5)

*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

**Ghi chú:**

- (1) Tên cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực, cơ sở giáo dục phổ thông tư thực.
- (2) Tên nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực, cơ sở giáo dục phổ thông tư thực đề nghị chuyển đổi.
- (3) Người/cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyển đổi.
- (4) Quyền hạn, chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển đổi

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP HỌC BỔNG CHÍNH SÁCH**

Kính gửi: .....

Họ và tên:.....

Số định danh cá nhân/căn cước công dân:.....

Lớp:..... Khóa:.....

Họ tên cha/mẹ học viên:.....

Mã số học viên (nếu có):.....

Thuộc đối tượng:..... (ghi rõ đối tượng được hưởng chính sách)

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục, tôi làm đơn này đề nghị ..... xem xét để cấp học bổng chính sách theo quy định.

....., ngày.... tháng.... năm.....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC**

Cơ sở giáo dục:.....

Xác nhận anh/chị:.....

Hiện là .... lớp:..... Khóa:..... Thời gian khóa học:..... (năm)

Hệ đào tạo:..... của nhà trường.

Kỷ luật:..... (ghi rõ mức độ kỷ luật nếu có).

Đề nghị ..... xem xét cấp học bổng chính sách cho anh/chị theo quy định.

....., ngày.... tháng.... năm.....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN.....  
 ĐƠN VỊ THỰC HIỆN.....  
 -----

**DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN HỌC BỔNG  
 CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC SINH, SINH VIÊN**

**Năm...**

Thực hiện theo Nghị định số.../2025/NĐ-CP ngày.... tháng... năm 2025 của  
 Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Ngày tháng năm sinh	Loại đối tượng chính sách	Dân tộc	Số tháng hỗ trợ	Mức học bổng chính sách/tháng	Kinh phí hỗ trợ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (7)*(6)
1	Sinh viên A						
2	Sinh viên B						
3	Sinh viên C						
	<b>Tổng số</b>						

....., ngày..... tháng..... năm.....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)